**ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCHKHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN**

**NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ ĐÔ THỊ VĂN MINH GIAI ĐOẠN 2023-2024**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung dự thảo chính sách lần này** | **Cơ sở lý luận đề xuất chính sách** | **Mức hỗ trợ** | **Cơ sở đưa ra mức hỗ trợ** |
| A | **LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP** |  |  |  |
| *I* | ***CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TRỒNG TRỌT*** |  |  |  |
| 1 | ***Chính sách tích tụ, tập trung gắn với chuyển đổi ruộng đất*** |  |  |  |
| 1.1 | Các xã, thị trấn thực hiện cải tạo, tập trung, tích tụ (phá bờ thửa, di dời mồ mả, san phẳng mặt ruộng và đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng phục vụ sản xuất) gắn với chuyển đổi ruộng đất có quy mô diện tích liền vùng tối thiểu 05ha/vùng, diện tích mỗi ruộng tối thiểu 0,5ha, được ngân sách huyện hỗ trợ 5 triệu đồng/ha đối với đất trồng lúa và 3 triệu đồng/ha đối với cây trồng hàng năm. | Cải tạo nâng cao chất lượng đất sản xuất, tích tụ, tập trung gắn với chuyển đổi ruộng đất đất hình thành các vùng sản xuất tập trung, sản xuất theo hướng hàng hóa bước đầu đã khẳng định hiệu quả, tổ chức lại sản xuất theo hướng thâm canh, “1 cánh đồng, 1 giống, 1 thời vụ, 1 quy trình canh tác”, áp dụng động bộ cơ giới hóa, giảm chi phí, giá thành sản xuất và đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới cho năng suất cao, mang lại thu nhập cho người sản xuất | 5 triệu đồng/ha đối với đất lúa; 3 triệu đồng/ha đối với cây trồng hàng năm | Các vùng thực hiện cải tạo, tập trung, tích tụ giai đoạn 2023 – 2024 khó khăn, ruộng manh mún, nhỏ lẻ, chênh lệch lớn nên kinh phí thực hiện cao, ước tính 16-20 triệu đồng/ha; |
| 1.2 | Đối với các xã, thị trấn thực hiện 100% diện tích trong năm được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha đối với đất lúa, 5 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất cây hàng năm. Và hỗ trợ công tác chỉ đạo 50 triệu đồng/xã, thị trấn. | Khuyến khích các địa phương thực hiện cải tạo, tích tụ tập trung gắn với chuyển đổi ruộng đất 100% diện tích đất sản xuất | 10 triệu đồng/ha đất lúa, 5 triệu đồng/ha đât sản xuất cây hàng năm. công tác chỉ đạo 50 triệu đồng/xã, thị trấn. |
| 1.3 | Hỗ trợ kinh phí để làm đường giao thông nội đồng (cấp phối hoặc bê tông xi măng) đối với các tuyến có nền đường đã ổn định; kênh bê tông xi măng tại các vùng thực hiện cải tạo đất trồng lúa, phá bỏ ô thửa nhỏ hình thành ruộng sản xuất lớn với mức tối đa 50 triệu đồng/km và không quá 200 triệu đồng/xã, thị trấn/năm đối với mỗi loại. | Khuyến khích các địa phương đầu tư đông bộ hạ tầng, ruộng sản xuất, để hình thành các vùng sản xuất tập trung, sản xuất hàng hóa, thu hút các Doanh nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi | Tối đa 50 triệu đồng/km và không quá 200 triệu đồng/xã, thị trấn/năm | Mức hỗ trợ giữu nguyên theo Nghị quyết 11 |
| **2** | ***Chính sách ứng dụng công nghệ tiên tiến*** |  |  |  |
| 2.1 | Tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống nhà lưới đảm bảo theo thiết kế mẫu của UBND huyện, có lắp đặt hệ thống tưới tự động, để làm vườn ươm giống cây hoặc sản xuất các loại hoa, rau, củ, quả thực phẩm có giá trị kinh tế cao, quy mô tối thiểu 200m2 trở lên được hỗ trợ 150.000 đồng/m2 chi phí nhưng tối đa không quá 70 triệu đồng/cơ sở | chính sách mang lại hiệu quả thiết thực, nhiều địa phương hấp thu tốt đã tạo bước mới trong ứng dụng công nghệ vào sản xuất, tăng thu nhập/đơn vị diện tích | 150 nghìn đồng/m2 | Khảo sát theo giá thực tế |
| 2.2 | Hỗ trợ 50% kinh phí lắp đặt thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tại các vùng sản xuất rau tập trung có quy mô tối thiểu 02 ha, cây ăn quả tập trung có quy mô tối thiểu 02 ha, cây dược liệu có quy mô thối thiểu 01ha nhưng tối đa 50 triệu đồng/ha và không quá 150 triệu đồng/xã, thị trấn/năm. | chính sách mang lại hiệu quả thiết thực, nhiều địa phương hấp thu tốt đã tạo bước mới trong ứng dụng công nghệ vào sản xuất. | 50 triệu đồng/ha | Giữ nguyên theo NQ 11 |
| 2.3 | Tổ chức, cá nhân sản xuất dưa lưới trong nhà màng quy mô từ 0,2ha (phạm vi quy mô tính trong thôn); sản xuất rau củ quả tập trung có quy mô 02ha trở lên; sản xuất lúa tập trung từ 10ha trở lên được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chứng nhận đạt tiêu chuẩn Vietgap, hữu cơ, tối đa 80 triệu đồng/tổ chức, cá nhân và tối đa 160 triệu đồng/xã, thị trấn/năm | Hỗ trợ các địa phương thực hiện sản xuất đạt tiêu chuẩn Vietgap, Hữu cơ, từng bước nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm | 80 triệu đồng/Giấy chứng nhận | Khảo sát thực tế |
| 2.4 | Tổ chức, cá nhân mua (máy mới 100%) máy gặt đập liên hợp, máy cấy (sạ), máy làm đất (công suất từ 23 mã lực trở lên), máy bay phun thuốc BVTV, cam kết thực hiện tối thiểu 05 năm trên địa bàn huyện Thạch Hà được hỗ trợ:  - Máy gặt đập liên hợp: hỗ trợ 30% kinh phí, tối đa không quá 100 triệu đồng/máy; Mỗi xã, thị trấn được mua 01 máy/200ha diện tích sản xuất lúa; đối với xã, thị trấn có diện tích sản xuất lúa dưới 200ha được hỗ trợ 01 máy. Thời gian hỗ trợ 2 năm, mỗi năm 50% số tiền hỗ trợ.  - Máy cấy (sạ), máy làm đất: hỗ trợ 30% kinh phí, tối đa 50 triệu đồng/máy. Mỗi xã, thị trấn được mua 01 máy/200ha diện tích sản xuất lúa; đối với xã, thị trấn có diện tích sản xuất lúa dưới 200ha được hỗ trợ 01 máy. Thời gian hỗ trợ 2 năm, mỗi năm 50% số tiền hỗ trợ.  - Máy bay phun thuốc BVTV: hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa 150 triệu đồng/máy. Toàn huyện thí điểm thực hiện 05 máy. Thời gian hỗ trợ 2 năm, năm thứ nhất 80% số tiền hỗ trợ, năm thứ hai 20% số tiền hỗ trợ. | Phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp, nhằm đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thu hoạch, đảm bảo thời vụ, tăng năng suất lao động, góp phần tăng hiệu quả sản xuất | 100 triệu đồng/máy gặt đập, 50 triệu đồng/máy cày; 150 triệu đồng/máy bay không người lái | Khảo sát giá các loại máy theo thực tế |
| 2.5 | Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học xử lý gốc rạ tại các vùng sản xuất lúa vụ Hè thu. Hỗ trợ tối đa 50% diện tích sản xuất lúa/xã, thị trấn/năm. | Chế phẩm phân hủy gốc rạ Sumitri đã được khẳng định hiệu quả qua các mô hình áp dụng tại xã Thạch Thắng, cho hiệu quả cao, góp phần giảm nguy cơ ngộ độc hữu cơ cho cây lúa. | 50% kinh phí và không quá 50% diện tích /xã, thị trấn/năm | Nghị Định số 83/NĐ-CP/2018 về khuyến nông |
| 2.6 | Các tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình  nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch trải nghiệm theo phương án được UBND huyện phê duyệt được hỗ trợ 50% kinh phí (giống, vật tư và trang thiết bị phục vụ sản xuất và du lịch) và tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình | Mỗi năm xây dựng thí điểm 1-2 mô hình, | 50% kinh phí và tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình |  |
| ***3*** | ***Chính sách liên kết sản xuất*** |  |  |  |
| 3.1 | Các tổ cá nhân tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên các vùng đất đã cải tạo, phá bờ thửa nhỏ, quy mô tối thiểu 100 tấn/vụ đối với lúa (thu mua lúa tươi tại ruộng); sản xuất rau củ quả tập trung (từ 02ha trở lên) số lượng tối thiểu 20 tấn/vụ có hợp đồng liên kết tối thiểu 05 năm được hỗ trợ 100.000 đồng/tấn và tối đa không quá 25 triệu đồng/xã, thị trấn/vụ đối với mỗi loại | Thu hút các Doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, nhằm tạo ra các chuỗi liên kết bền vững | 25 triệu đồng/xã, thị trấn/vụ | Hỗ trợ chi phí vận chuyển, bình quân 100.000 đồng/tấn |
| ***II*** | ***CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI*** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi bò nhốt chất lượng cao: Các cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi bò nhốt chất lượng cao (Lai zebu và các giống như (BBB, Brahman, charilais) có quy mô tối thiểu 10 con, theo hình thức nuôi nhốt có chuồng trại, vệ sinh môi trường đảm bảo, có diện tích trồng cỏ tối thiểu 1000m2 với mức 03 triệu /con, tối đa không quá 100 triệu/cá nhân, hộ gia đình | Cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò, dần thay thế đàn bò chất lượng thấp | 3 triệu/con | Giữ nguyên theo NQ 11 |
| 2 | Tổ chức cá nhân chăn nuôi dê lai (Dê bách Thảo, Boer 75%) đầu tư xây dựng mới quy mô tối thiểu 20 con trở lên, đảm bảo vệ sinh môi trường, diện tích chuồng trại tối thiểu 30m2 trở lên được hỗ trợ 1 triệu đồng/con (dê). Tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở | Phát triển nhân rộng các mô hình  nhằm đảm bảo nhu cầu và phát triển kinh tế | 1 triệu/con | Khảo sát thực tế với mức 3.5-4.5 triệu đồng đối với dê ngoại. |
| 3 | Hỗ trợ gia đình, cá nhân chăn nuôi lợn trong khu dân cư (quy mô không quá 20 con/lứa) xây bể bioga thể tích tối thiểu 9m3 được hỗ trợ mức 3 triệu/bể. | Đảm bảo môi trường, tiêu chí môi trường và xử lý tốt môi trường chăn nuôi | 3 triêu/bể | Giữ nguyên theo NQ 11 |
| 4 | Hỗ trợ gia đình, cá nhân có trâu bò bị sảy thai do tiêm phòng (định kỳ hàng năm do UBND huyện tổ chức) được hỗ trợ mức 2 triệu đồng/con. | Hỗ trợ rủi ro trong công tác tiêm phòng gia súc | 2 triệu/con | Giữ nguyên theo NQ 11 |
| 5 | Hỗ trợ trực tiếp cho TTUD để hỗ trợ thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, tại 06 cơ sở giết mổ tập trung, mức hỗ trợ 162 triệu đồng/năm | Thực hiện công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn | 162 triệu đồng/năm |  |
| ***III*** | ***CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN*** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ kinh phí thu mẫu quan trắc, cảnh báo, phòng chống dịch bệnh cho các vùng nuôi trồng thủy sản, mỗi năm 60 triệu đồng. | Nuôi trồng thủy sản nhằm phát triển có hiệu quả, bền vững trong đó công tác phòng chống dịch bệnh cho Thủy sản nuôi là một trong những khâu quan trọng. Đề chủ động trong công tác phòng chống dịch thủy sản phải thực hiện công tác quan trắc cảnh báo môi trường, thu mẫu đất, mẫu nước, mẫu thủy sản nuôi (đặc biệt các biện pháp ngăn chặn, dập dịch không để lây là Tôm) kiểm tra dự báo, cảnh báo để kịp thời thực hiện lan trên diện rộng. | 60 triệu đồng/năm | Chi phí hàng năm khoảng 80 đến 100 triệu đồng. Hiện kinh phí thực hiện nội dung này chưa có, chính sách hỗ trợ 60 triệu đồng/năm giao cho Trung tâm ứng dụng KHCN và Bảo vệ cây trông vật nuôi chủ trì thực hiện. |
| 2 | Tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ mới nuôi tôm thâm canh (công nghệ nuôi trong bể xi măng, bể tròn lót bạt, trong nhà có hệ thống mái che hoặc công nghệ nuôi tôm 3 giai đoạn; công nghệ xử lý nước tuần hoàn…) với mật độ ≥ 200con/m2 quy mô 2.000m2 trở lên hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, vật tư, tối đa 50 triệu đồng/cơ sở. | Nhằm khuyến khích, động viên tạo điều kiện, hỗ trợ một phần cho các cơ sở nuôi tôm mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới chuyển đổi xây dựng các mô hình nuôi tôm thâm canh năng suất cao, hạn chế dịch bệnh góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị trên đơn vị diện tích. | 50 triệu đồng/cơ sở | Đầu tư nuôi tôm theo công nghệ mới với mức chi phí rất lớn từ 1 -2 tỷ đồng/ha. Mức hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, vật tư tối đa 50 triệu đồng là để động viên, khuyến khích các cơ sở nuôi. |
| 3 | Tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình ương dưỡng, cung ứng giống thủy sản (quy mô tối thiểu 5 triệu con/năm theo hợp đồng cung ứng) được hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm thiết bị, vật tư đầu vào tối đa 100 triệu đồng/cơ sở. | Hiện nay việc phát triển các đối tượng nuôi mới gặp nhiều khó khăn trong đó có nguồn con giống. Nhằm tạo điều kiện chủ động con giống đảm bảo cung ứng người nuôi đúng thời vụ, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sở ương dưỡng, cung ứng con giống thủy sản trên địa bàn quy mô tối thiểu 5 triệu con/năm, được hỗ trợ 100 triệu đồng/cơ sở. | 100 triệu đồng/cơ sở | Theo giá thị trường, chi phí đầu tư xây dựng ao hồ, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở ương dưỡng con giống thủy sản (các loại giống tôm, cá) với quy mô công suất 5 triệu con/năm trở với mức tối thiểu 300 triệu đồng. |
| ***IV*** | ***XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN, KHẢO NGHIỆM*** | |  |  |
| 1 | Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng mô hình sản xuất khảo nghiệm giống cây trồng mới (lúa, lạc, ngô….), phân bón mới, thuốc bảo vệ thực vật mới theo phương án được UBND huyện phê duyệt; mỗi vụ sản xuất tối đa 30 triệu đồng. | Tổ chức sản xuất khảo nghiệm các giống cây trồng mới (lúa, lạc, ngô…) nhằm đánh giá tính chống chịu, khả năng thích ứng, năng suất, chất lượng để từng bước thay dần bộ giống cũ | 30 triệu đồng/vụ sản xuất | Khảo sát chi phí thực tế sản xuất tại các địa phương |
| 2 | Hỗ trợ 50% kinh phí (để mua giống, vật tư, thiết bị… ) xây dựng mô hình ứng dụng giải pháp IOT (internet of thing) vào sản xuất trong nhà màng quy mô tối thiểu 500m2 và cam bưởi quy mô tối thiểu 03ha tập trung theo phương án được UBND huyện phê duyệt. Thực hiện tối đa 02 mô hình/năm và không quá 150 triệu đồng/mô hình. | Đánh giá hiệu quả của hệ thống IOT, ứng dụng vào sản xuất cam bưởi, sản xuất trong nhà màng, từng bước thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp (hệ thống cảm biến dinh dưỡng, nước, nhiệt độ….) | 150 triệu đồng/mô hình | Khảo sát chi phí thực tế sản xuất tại các địa phương trong tỉnh |
| 3 | Xây dựng mô hình NTTS thâm canh (quy mô tối thiểu 2.000m2/mô hình đối với nuôi trong hệ thống có mái che; 5.000m2 đối với nuôi ngoài trời) có lắp đặt các thiết bị cảm biến, tự động hóa để cho ăn, theo dõi quản lý môi trường, sức khỏe thủy sản nuôi … được hỗ trợ 50% kinh phí (để mua phần mềm, thiết bị, vật tư), tối đa không quá 200 triệu đồng/mô hình và tối đa 02 mô hình/năm. | Để đánh giá hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả sản xuất và góp phần thực hiện tốt chuơng trình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp. | 200triệu đồng/cơ sở | chi phí lắp đặt các thiết bị cảm biến theo dõi tự động các chỉ số môi trường và hệ thống cho ăn tự động cho các cơ sở NTTS thâm canh có giá thị trường dao động từ 100 đến 200 triệu đồng/thiết bị và phụ thuộc vào quy mô sản xuất, có thể lên đến 2.000 triệu đồng/cơ sở. |
| 4 | Xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm (theo phương án dự toán được UBND huyện phê duyệt) đạt tiêu chuẩn hữu cơ được hỗ trợ 50% kinh phí (mua giống, vật tư, đánh giá chứng nhận hữu cơ….), nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình và mỗi năm tối đa 02 mô hình. Lợn tối thiểu 50 con/lứa; gia cầm tối thiểu 1000 con/lứa; trâu bò tối thiểu 10 con/lứa. | - Căn cứ Điều 8 xây dựng và nhân rộng mô hình, Nghị định 83 về khuyến nông 2018; Các Quy chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP), Hữu cơ.  - Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Thạch Hà theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 – 2025. | 200 triệu đồng/hộ, cá nhân chăn nuôi | Nghị Định số 83/NĐ-CP/2018 về khuyến nông. |
| 5 | Xây dựng mô hình sản xuất rau củ quả (theo phương án dự toán được UBND huyện phê duyệt) quy mô tập trung từ 01ha, đạt tiêu chuẩn hữu cơ được hỗ trợ 50% kinh phí (mua giống, vật tư,….), nhưng không quá 150 triệu đồng/mô hình, tối đa 02 mô hình/năm. | - Căn cứ Điều 8 xây dựng và nhân rộng mô hình, Nghị định 83 về khuyến nông 2018; Các Quy chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP), Hữu cơ. | 150 triệu đồng/mô hình | Nghị Định số 83/NĐ-CP/2018 về khuyến nông. |
| 6 | Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình sản xuất muối sạch quy mô tối thiểu 5.000m2 (hỗ trợ 100% kinh phí hội thảo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, 50% kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị...) tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình. Mỗi năm 01 mô hình. | Để đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất muối nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và góp phần thúc đầy phát triển nghề muối truyền thống tại địa phương. | 150 triệu đồng/mô hìmh | Hiện nay chi phí đầu tư trang thiết bị, vật tư ban đầu để sản xuất muối sạch (Kết tinh muối trên ô trải bạt) khoảng 500 triệu đồng/ha. |
| ***V*** | ***DU NHẬP ĐỐI TƯỢNG MỚI*** |  |  |  |
|  | Tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình mới sản xuất các đối tượng mới để đánh giá, nhân rộng sản xuất có quy mô tối thiểu 1.000m2 đối với cây trồng, 1.000m2 đối với nuôi trồng thủy sản trong ao đất, 100m2 đối với nuôi trồng thủy sản trong ao lót bạt, bể xi măng, 100m2 đối với chuồng trại chăn nuôi được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, vật tư nhưng tối đa không quá 50 triệu/đối tượng nuôi, trồng. Trên cùng một địa điểm, diện tích sản xuất chỉ được hỗ trợ 1 lần (các đối tượng mới theo hướng dẫn của Phòng NN&PTNT). |  | Tối đa 50 triệu đồng/đối tượng nuôi, trồng |  |
| ***VI*** | ***LÀNG NGHỀ*** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ 100% kinh phí thuê chuyên gia, nghệ nhân, vật tư để phục vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ tại các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, nhưng tối đa không quá 100 triệu/nghề, làng nghề. | Các sản phẩm nghề tuyền thống hiện nay không cạnh tranh được trên thị trường, rất cần đào tạo tập huấn, chuyển giao công nghệ, nâng cao tay nghề nhằm sản xuất đa dạng các sản phẩm phù hợp với nh cầu thị trường tạo điều kiện duy trì và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống | 100 triệu/ nghề, làng nghề. |  |
| 2 | Các cơ sở sản xuất tại nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề trong vùng định hướng khôi phục làng nghề được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư mới máy móc thiết bị hoặc mở rộng quy mô sản xuất, chế biến tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở. | Giữ nguyên NQ 11 | 100 triệu đồng/cơ sở |  |
| **B** | **XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu ngoài chỉ tiêu phân bổ chính sách của tỉnh hàng năm, kể cả đối với thôn sáp nhập từ thôn chưa đạt chuẩn với thôn đã đạt chuẩn | Hàng năm tỉnh phân bổ chỉ tiêu thấp (do chính sách của tỉnh để thực hiện đề án tỉnh đạt chuẩn yêu cầu số thôn đạt chuẩn 70% và đến nay huyện Thạch Hà đã đạt yêu cầu) nên huyện hỗ trợ để tạo phong trào xây dựng nông thôn mới và đạt yêu tiêu chí nông thôn mới | - 300 triệu đồng/thôn;  - Riêng đối với thôn sáp nhập từ thôn chưa đạt chuẩn với thônđã đạt chuẩn mức hỗ trợ 150 triệu đồng/thôn. | - Giữ nguyên mức của tỉnh;  - Riêng thôn sáp nhập từ thôn chưa đạt chuẩn và thôn đã đạt chuẩn hỗ trợ mức ½ do đã có hỗ trợ chính sách đối với thôn đạt chuẩn |
| 2 | Thưởng thôn đạt chuẩn khu dân cư xanh, thông minh | Thực hiện kế hoạch xây dựng khu dân cư xanh, thông minh gắn với yêu cầu tiêu chí thôn thôn minh trong quy định xã NTM kiểu mẫu | 500 triệu đồng/thôn | Các nội dung thực hiện chủ yếu tại các thôn để đạt yêu cầu khu dân cư xanh, thông minh |
| 3 | Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, xã đạt chuẩn các tiêu chí xã thông minh | Hỗ trợ, khuyến khích các xã và thực hiện yêu cầu tiêu chí huyện NTM nâng cao và đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới | 1 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 2 tỷ đồng/xã. 300 triệu đồng/xã đạt chuẩn các tiêu chí xã thông minh | Giữ nguyên NQ 11 |
| 4 | Hỗ trợ Ban phát triển thôn đối với xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu trong năm | Hỗ trợ động viên cán bộ thôn trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu | 10 triệu/Ban Phát triển thôn/năm | Hỗ trợ xăng xe, điện thoại động viên cán bộ thôn |
| 5 | Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu gắn với mô hình gia đình 5 có -NTM kiểu mẫu | Đáp ừng yêu cầu tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 | 10 triệu đồng/hộ | Hỗ trợ thực hiện một số nội dung xây dựng vườn mẫu |
| **C** | **CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP)** |  |  |  |
| 1 | Tổ chức, cá nhân xây dựng điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc sản vùng miền (ngoài các cơ sở hưởng chính sách của tỉnh và hoạt động theo quy chế của huyện ban hành) được hỗ trợ 40% kinh phí và tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm, hỗ trợ mỗi xã tối đa 01 điểm. | - Kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm của tỉnh.  - Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Thạch Hà theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 – 2025. | hỗ trợ 50 triệu đồng/điểm, hỗ trợ mỗi xã tối đa 01 điểm. | Căn cứ khối lượng thực hiện của các cơ sở đã thực hiện và định mức hỗ trợ của tỉnh |
| 2 | Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đạt chuẩn OCOP tham gia nâng hạng 4 sao, 5 sao: | Thực hiện Đề án huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; Kế hoạch thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm; Phát triển sản phẩm OCOP | Nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao, mức thưởng 30 triệu đồng/SP; nâng hạng từ 3, 4 sao lên 5 sao, mức thưởng: 50 triệu đồng/SP. | Giữ nguyên theo NQ 11 |
| 3 | Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đạt chuẩn 3 sao trở lên theo quy định | Thực hiện Đề án huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; Kế hoạch thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm; Phát triển sản phẩm OCOP | 30 triệu/sản phẩm 3 sao; 50 triệu/sản phẩm 4 sao; 100 triệu/sản phẩm 5 sao. |  |
| 4 | Các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý, giám sát sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP được hỗ trợ 50% mua sắm phần mềm, trang thiết bị,..., tối đa 20 triệu đồng/ cơ sở | Quyết định 263 của Thủ tướng CP; Kế hoạch thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm | 50%, tối đa 20 triệu đồng/ cơ sở |  |
| **D** | **TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ các hộ xây dựng hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định, mức hỗ trợ 500.000 đồng/hộ; mức tối đa không quá 50% số hộ/xã, thị trấn. | Đảm bảo môi trường, tiêu chí môi trường | 500 nghìn đồng/hộ | Xây dựng hệ thống xử lý 3 ngăn (3 bể), tiền vật liệu ống, xi, cát, nhân công |
| 2 | Hỗ trợ các hộ xây dựng bể xử lý nước thải chăn nuôi, hố ủ phân đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định, mức hỗ trợ 500.000 đồng/hộ; mức tối đa không quá 50 triệu đồng xã, thị trấn.  (xem lại) | Đảm bảo môi trường, tiêu chí môi trường | 500 nghìn đồng/hộ, tối đa 50 triệu đồng/xã, thị trấn | Xây dựng bể ≥1,5 m3 |
| 3 | Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc bản đồ địa chính đối với diện tích xâm canh xâm cư giữa các địa phương để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. |  |  |  |
| 4 | Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc địa chính để chỉnh lý hồ sơ địa chính cho các hộ gia đình cá nhân hiến đất ở hoặc đất vườn ao gắn liền đất ở để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, đô thị văn minh từ năm 2021 trở về trước đã được UBND các xã, thị trấn tổng hợp báo cáo UBND huyện với mức từ 5 m2 trở lên hoặc giá trị đất hiến (tính theo giá đất quy định của UBND tỉnh) từ 1.000.000 đồng trở lên. Trong đó ngân sách huyện hỗ trợ 70%, ngân sách xã hỗ trợ 30% | Đảm bảo quyền lợi, hỗ trợ, khuyến khích nhân dân trong thực hiện chính sách NTM | 100% | Đảm bảo ngân sách các cấp; Tương ứng giá trị tối thiểm từ đất mà dân hiến |
| **E** | **KINH TẾ - HẠ TẦNG** |  |  |  |
| ***I*** | ***NÔNG THÔN MỚI – ĐÔ THỊ VĂN MINH*** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ 100% kinh phí xi măng để mở rộng thêm đường GTNT BTXM tối thiểu một bên 01m | Củng cố hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã góp phần xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao | 100% kinh phí xi măng |  |
| 2 | Hỗ trợ xây dựng rãnh thoát nước đường ngõ xóm, ngách hẻm tổ dân phố bằng BTXM hoặc xây gạch (tối thiểu BxH = 30x40cm) | Củng cố hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã góp phần xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao | 30 triệu đồng/km nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |  |
| 3 | Hỗ trợ nâng cấp, phục hồi mặt đường BTXM | Phục hồi mặt đường bê tông xuống cấp đảm bảo đi lại êm thuận | 100.000/m2 |  |
| 4 | Hỗ trợ một lần, mức 30% kinh phí thuê máy đào, máy xúc, máy cưa để chỉnh trang khu dân cư kiểu mẫu tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/xã | Củng cố hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã góp phần xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao | 30% kinh phí nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/xã | Áp dụng đối với các xã đăng ký về địch NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu |
| 5 | Hỗ trợ làm mới, thay thế các biển báo giao thông, biển chỉ dẫn tại các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn trở lên đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu | Củng cố hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã góp phần xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao | 500 ngàn đồng/biển nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/xã |  |
| 6 | Hỗ trợ xây dựng mới hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tại các tuyến giao thông trong khu dân cư đối với các xã đăng ký dạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu với mức 50 triệu đồng/km và tối đa không quá 200 triệu đồng/xã | Củng cố hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã góp phần xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao | 50 triệu đồng/km, tối đa không quá 200 triệu đồng/xã |  |
| ***II*** | ***PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI*** |  |  |  |
| 1 | Các tổ chức, cá nhân được UBND huyện cử tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị kết nối cung - cầu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa (gọi tắt là hội chợ) trong tỉnh là sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, làng nghề được hỗ trợ 3 triệu đồng/gian hàng. | Động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tăng cường tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu hàng hóa góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh | 3 triệu đồng/gian hàng | Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 4 lần/năm |
| 2 | Thưởng các cơ sở có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp khu vực | Động viên, khuyến khích các cơ sở công nghiệp nông thôn cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì và tham gia các chương trình, hoạt động của nhà nước góp phần đẩy manh phát triển sản xuất kinh doanh | 50 triệu đồng/cơ sở (đối với cơ sở có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh); 70 triệu đồng/cơ sở (đối với cơ sở có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực). |  |